

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2022/DS-ST

Ngày: 12 - 5 - 2022.

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh.

Ông Hoàng Văn Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐST - DS ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Duy M**, sinh năm 1985 (Chủ hộ kinh doanh T)

Địa chỉ: Khóm S, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị **Trần Diễm M**, sinh năm 1996. Địa chỉ liên hệ: khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1958 (Có mặt).

2. Bà **Bùi Thị X**, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Diễm M trình bày:**

Ngày 28/12/2013 ông Nguyễn Văn G, bà Bùi Thị X có mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T để nuôi tôm. Đến ngày 05/04/2017 thì các bên tiến hành ký kết hợp đồng bằng văn bản. Theo nội dung trong hợp đồng thì ông G và bà X xác nhận còn nợ bên Hộ kinh doanh T tính tới thời điểm ký hợp đồng là 963.251.000 đồng. Đồng thời, các bên thỏa thuận Hộ kinh doanh T bán cho bên ông G, bà X các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu V, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Cụ thể: Bên Hộ kinh doanh T giao hàng hóa cho ông G, bà X tại kho hàng của hộ kinh doanh T theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông G, bà X nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên ông G, bà X phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng cho bên Hộ kinh doanh T. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho ông G, bà X và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì bên Hộ kinh doanh T không chịu trách nhiệm nữa. Về phương thức thanh toán, trong mọi trường hợp ông G và bà X phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên Hộ kinh doanh T khi thu hoạch tôm, trường hợp ông G và bà X nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên Hộ kinh doanh T đã nhiều lần bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông G và bà X theo đúng đơn hàng yêu cầu. Sau khi nhận hàng, ông G và bà X đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mình và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ bên Hộ kinh doanh T. Tuy nhiên, ông G, bà X không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu là thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên Hộ kinh doanh T khi thu hoạch tôm.

Căn cứ Bảng đối chiếu xác nhận công nợ được các bên ký kết vào ngày 17/09/2019, ông G và bà X xác nhận vẫn còn nợ bên số tiền là: 1.197.009.000 đồng. Tính từ ngày 04/10/2019 đến ngày 24/3/2021, ông G và bà X đã thanh toán cho bên Hộ kinh doanh T được số tiền là 245.000.000 đồng và mua thêm tổng cộng các đơn hàng thức ăn tôm và thuốc thủy sản trị giá 178.787.000 đồng. Ngày 25/7/2020 vợ chồng ông G, bà X có gửi lại cho Hộ kinh doanh T 16 bao thức ăn trị giá là 13.408.000 đồng, số tiền này được căn trừ vào công nợ. Như vậy tổng số tiền vợ chồng ông G, bà X còn nợ Hộ kinh doanh T là 1.117.388.000 đồng. Phía Hộ kinh doanh T nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông G thanh toán nhưng vợ chồng ông G không thực hiện.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn G, bà Bùi Thị X trả cho Hộ kinh doanh T do ông Nguyễn Duy M làm chủ hộ số tiền 1.117.388.000 đồng.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:**

Ông thừa nhận vợ chồng ông có mua thức ăn, thuốc nuôi trồng thủy sản của Hộ kinh doanh T do ông Nguyễn Duy M làm chủ hộ và hiện nay còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền 1.117.388.000 đồng chưa thanh toán. Nay ông đồng ý trả số tiền này cho Hộ kinh doanh T, nhưng do vợ chồng ông không có nguồn thu nhập nào khác ngoài việc nuôi tôm. Do đó, ông yêu cầu Hộ kinh doanh T tạo điều kiện cho ông tiếp tục mua thức ăn để ông nuôi tôm, khi nào việc nuôi tôm của vợ chồng ông thuận lợi và có lãi thì ông sẽ thanh toán khoản tiền nợ cho Hộ kinh doanh T, chứ hiện nay ông không có khả năng thanh toán.

*** Bị đơn bà Bùi Thị X** vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn tiền mua thức ăn nuôi tôm còn thiếu tổng cộng là 1.117.388.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền mua thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi trồng thủy sản còn nợ nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Bùi Thị X. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà X.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền mua thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi trồng thủy sản còn nợ là 1.117.388.000 đồng. Bị đơn ông G thừa nhận hiện vợ chồng ông còn nợ nguyên đơn số tiền mua thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi trồng thủy sản như nguyên đơn yêu cầu. Xét thấy, đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của

Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng thanh toán nợ cho nguyên đơn nên bị đơn yêu cầu nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn mua thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi trồng thủy sản để tiếp tục nuôi tôm, khi nào việc nuôi tôm thuận lợi, có lãi thì bị đơn sẽ thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn, nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả số tiền mua thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi trồng thủy sản còn nợ là có cơ sở theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị X có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn ông Nguyễn Văn G trả số tiền còn nợ. Xét thấy, mặc dù ông G là người trực tiếp mua thức ăn. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông G thừa nhận là việc mua thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi trồng thủy sản để nuôi tôm phát triển kinh tế gia đình. Đồng thời, giữa bà X với ông G có quan hệ vợ chồng và số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị X có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn ông Nguyễn Văn G trả số tiền còn nợ là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định. Tuy nhiên do các bị đơn là người cao tuổi (trên 60 tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí). Do đó, HĐXX xem xét và quyết định miễn án phí cho các bị đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[6] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 440 của Bộ luật dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T).

1. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn G, bà Bùi Thị X có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T) tổng số tiền mua thức ăn, thuốc, hóa chất nuôi trồng thủy sản còn nợ là 1.117.388.000 đồng (*Một tỷ một trăm mười bảy triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Các bị đơn ông Nguyễn Văn G, bà Bùi Thị X được miễn, không phải chịu án phí.
- + Nguyên đơn ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Nguyễn Duy M (chủ hộ kinh doanh T) tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.760.000 đồng (*Hai mươi hai triệu bảy trăm sáu chục ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002561, ngày 08/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn